ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4623 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 23 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Lắp đặt hệ thống cấp nước cho dự án Nhà ở xã hội dành cho người thu nhập thấp tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH4 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 4 về chủ trương đầu tư dự án: Lắp đặt hệ thống cấp nước cho dự án Nhà ở xã hội dành cho người thu nhập thấp tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 9463/SXD-HĐXD ngày 19/12/2022, kèm theo Tờ trình số 165/TTr-BDA ngày 03/10/2022 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Lắp đặt hệ thống cấp nước cho dự án Nhà ở xã hội dành cho người thu nhập thấp tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Lắp đặt hệ thống cấp nước cho dự án Nhà ở xã hội dành cho người thu nhập thấp tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa.

2. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hóa.

4. Địa điểm xây dựng: Tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa.

5. Nhà thầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại Đức Phát.

6. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa.

7. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư hệ thống cấp nước sạch cho dự án Nhà ở xã hội dành cho người thu nhập thấp tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa; góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, đáp ứng nhu cầu về nơi ở và sinh hoạt cho người dân có thu nhập thấp trong khu vực.

8. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu

- Điểm đầu đấu nối từ đường ống D400 nằm phía Đông quốc lộ 1A đoạn tránh thành phố Thanh Hóa; điểm cuối đấu nối vào bể ngầm của dự án Nhà ở xã hội dành cho người thu nhập thấp tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa. Đường ống cấp nước đoạn đi ngầm qua quốc lộ 1A đoạn tránh Thành phố Thanh Hóa và các đoạn còn lại sử dụng ống HDPE D110. Tại các vị trí ống qua đường sử dụng ống thép bảo vệ.

- Kết cấu hố van, hố đồng hồ: thành hố xây gạch không nung vữa xi măng mác 75, đáy hố bê tông đá 1x2, mác 200, tấm đan BTCT đá 1x2, mác 200.

- Phụ kiện trên mạng lưới có tê, cút, nút bịt,... đặt trên gối đỡ bê tông đá 1x2 mác 200.

9. Tổng mức đầu tư (làm tròn): **720.990.000** đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	582.638.879	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	15.490.608	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	:	74.724.682	đồng;
- Chi phí khác	:	13.802.979	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	34.332.857	đồng.

(có phụ lục chi tiết kèm theo).

10. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh (từ nguồn vốn sự nghiệp) hỗ trợ phần kinh phí xây dựng; phần còn lại ngân sách thành phố Thanh Hóa chịu trách nhiệm bố trí.

11. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hóa (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện quản lý dự án.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2023.

13. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 9463/SXD-HĐXD ngày 19/12/2022.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung hồ sơ dự án trình thẩm định, phê duyệt.

2. Chủ đầu tư (Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hóa) có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng các quy định của pháp luật; yêu cầu trong giai đoạn triển khai thi công phải có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông cho người và các phương tiện tham gia giao thông, hoàn trả các công trình hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.(Mld158)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Xuân Liêm

Phụ biểu: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
Dự án: Lắp đặt hệ thống cấp nước cho dự án Nhà ở xã hội dành cho người thu nhập thấp tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

Stt	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền		
				Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
I	**Chi phí xây dựng**	Gxd	Theo bảng tổng hợp kinh phí	**533.974.755**	**48.664.124**	**582.638.879**
II	**Chi phí quản lý dự án**		$G_{XD}^{\text{trước VAT}}$ x 2,901%	**15.490.608**		**15.490.608**
III	**Chi phí tư vấn ĐTXD**	Gtv	(1)+(2)+… + (8)	**69.189.520**	**5.535.162**	**74.724.682**
1	Chi phí khảo sát		Dự toán do chủ đầu tư phê duyệt	15.801.852	1.264.148	17.066.000
2	Chi phí giám sát công tác khảo sát			643.519	51.481	695.000
3	Chi phí lập Báo cáo KT- KT		$G_{XD}^{\text{trước VAT}}$ x 5,800%	30.970.536	2.477.643	33.448.179
4	Chi phí thẩm tra thiết kế		Mức tối thiểu	2.000.000	160.000	2.160.000
5	Chi phí thẩm tra dự toán		Mức tối thiểu	2.000.000	160.000	2.160.000
6	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng		$G_{XD}^{\text{trước VAT}}$ x 0,388%	2.071.822	165.746	2.237.568
7	Chi phí giám sát thi công xây lắp		$G_{XD}^{\text{trước VAT}}$ x 2,566%	13.701.792	1.096.143	14.797.936
8	Chi phí thẩm định: HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp		Mức tối thiểu	2.000.000	160.000	2.160.000
IV	**Chi phí khác**	Gk	(1)+(2)+… + (5)	**12.942.892**	**988.263**	**13.802.979**
1	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN		$G_{GSXD}^{\text{trước VAT}}$ x 20%	2.740.358	219.229	2.959.587
2	Lệ phí thẩm định Báo cáo KT-KT		TMĐT x 0,019%	136.988		136.988
3	Chi phí bảo hiểm công trình		$G_{XD}^{\text{trước VAT}}$ x 0,300%	1.601.924	128.154	1.730.078
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		TMĐT x 0,570% x 50%	2.054.822		2.054.822
5	Chi phí kiểm toán độc lập		TMĐT x 0,960%	6.408.800	640.880	6.921.504
V	**Chi phí dự phòng**	G_{DP}	(1)			**34.332.857**
1	Dự phòng cho khối lượng phát sinh		(I+II+III+IV+V) x 5,000%			34.332.857
	TỔNG CỘNG (làm tròn)					**720.990.000**